

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục giằng co trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,741.32 điểm, tăng nhẹ hơn 4 điểm so với hôm qua. Số mã giảm nhiều hơn số mã tăng, 14/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Dầu khí, Dịch vụ tài chính dẫn đầu đà giảm; ở chiều ngược lại, ngành Bất động sản tăng mạnh nhất. Nhóm cổ phiếu Vin đóng vai trò trụ đỡ cho thị trường. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM. Chỉ số chưa hoàn toàn thoát khỏi vùng kháng cự 1,730 – 1,740 trong ngày hôm nay, ngoài ra liên tục xuất hiện những cây nến có bóng nến dài cho thấy tâm lý thị trường vẫn giằng co. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng trong những phiên tới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ 41I1G600.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 05/12/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+4.08** điểm, đóng cửa tại **1741.32** điểm. HNX-Index **-1.66** điểm, đóng cửa tại **260.65** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+9.32)**, **VHM (+1.81)**, **VPL (+0.88)**, **GEE (+0.73)**, **TAL (+0.28)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.20)**, **TCB (-1.17)**, **MBB (-1.05)**, **LPB (-0.98)**, **VPB (-0.75)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **19,153** tỷ đồng, giảm **-15.51%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 20,083 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 17.12 điểm. Thị trường có **101** mã tăng, 54 mã tham chiếu, **211** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-607.32** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VIC (-137.33 tỷ)**, **SSI (-137.03 tỷ)**, **ACB (-114.50 tỷ)**, **VIX (-77.54 tỷ)**, **STB (-73.03 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-64.32** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-1.06%**. Các mã diễn biến tích cực:
DBC (+2.01%) [\(Link báo cáo\)](#)
VHM (+1.71%) [\(Link báo cáo\)](#)
MSB (+1.54%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.96%**. Các mã diễn biến tích cực:
VIC (+6.97%) [\(Link báo cáo\)](#)
BAF (+2.07%)
PNJ (+1.44%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-1.06%	-0.96%	0.23%	-0.20%
1 tuần	2.00%	1.66%	2.98%	2.68%
1 tháng	1.19%	0.48%	5.22%	4.72%
3 tháng	-2.70%	-6.11%	4.46%	7.05%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,741.32	260.65	120.49
% 1D	0.23%	-0.63%	-0.37%
GTKL (tỷ VND)	19,153	1,179	436
%1D	-15.51%	-25.31%	-18.61%
GDNN (tỷ VND)	-607.32	-64.32	-8.84

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MBB	158.77	VIC	-137.33
HPG	84.43	SSI	-137.03
VPB	70.09	ACB	-114.50
MWG	46.25	VIX	-77.54
VNM	43.19	STB	-73.03

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

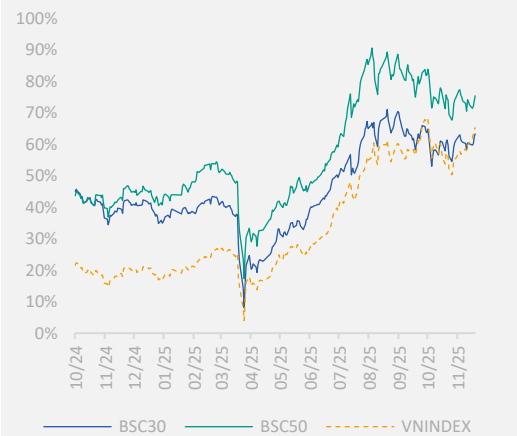
		%D	%W
SPX	6,857	0.11%	0.65%
FTSE100	9,728	0.18%	0.08%
Eurostoxx	5,739	0.40%	1.26%
Shanghai	3,903	0.70%	0.37%
Nikkei	50,492	-1.05%	0.50%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	63.23	-0.17%
Giá vàng	4,221	-0.41%
Tỷ giá		
USD/VND	26,408	0.00%
EUR/VND	31,519	-0.07%
JPY/VND	174	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.1%	0.02%
LS LNH 1M	7.0%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

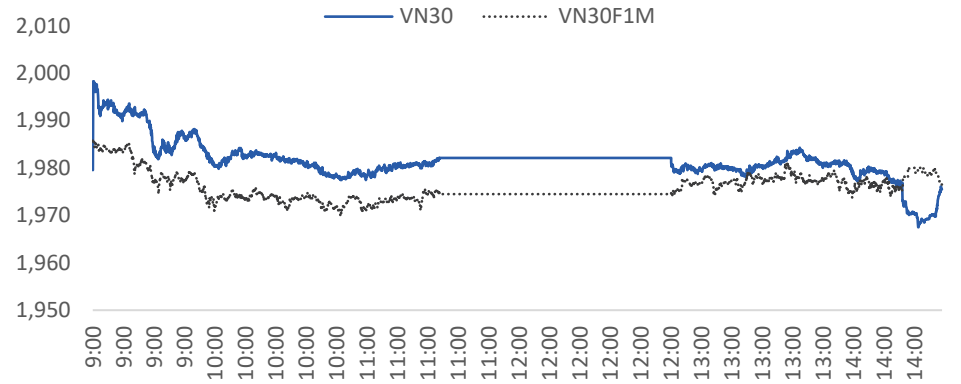
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G1000	1974.00	-0.05%	449	15.4%	15/01/2026	41
41I1G6000	1971.00	0.12%	10	-50.0%	18/06/2026	195
VN30F2512	1976.50	-0.03%	199,353	-5.7%	18/12/2025	13
41I1G3000	1969.00	-0.10%	11	-69.44%	19/03/2026	104

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -4.03 điểm, đóng cửa tại 1975.5 điểm. Biên độ dao động 22.78 điểm. Các cổ phiếu như FPT, LPB, MSN, HPG, TCB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 giảm trong những phút giao dịch cuối cùng của phiên. Thanh khoản thị trường ghi nhận sụt giảm về ngưỡng MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên. Chiến lược là long/short linh hoạt với phái sinh.
- Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ 41I1G6000. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ 41I1G1000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CTCB2515	25/12/2025	20	29,200	33.91%	44.81	340	61.9%	0.00	46.47	34.70	34.70
CVNM2509	23/02/2026	80	3,300	10.91%	66.48	520	15.6%	0.23	70.32	63.40	63.40
CVIC2514	25/06/2026	202	58,600	1.12%	74.44	13,990	15.3%	14.06	144.39	142.80	142.80
CVIC2515	16/10/2026	315	63,600	140.36%	245.00	12,280	13.8%	0.18	343.24	142.80	142.80
CVIC2516	18/01/2027	409	54,900	149.58%	250.00	13,300	12.8%	0.30	356.40	142.80	142.80
CVIC2513	25/05/2026	171	3,900	114.99%	147.00	16,000	11.9%	1.29	307.00	142.80	142.80
CSSB2507	3/04/2026	119	100	31.52%	21.00	570	11.8%	0.06	23.28	17.70	17.70
CVHM2521	25/05/2026	171	7,800	110.22%	115.68	2,200	10.0%	0.00	133.28	63.40	63.40
CVIC2511	4/05/2026	150	52,100	100.32%	113.98	21,510	8.1%	4.11	286.06	142.80	142.80
CVHM2520	23/07/2026	230	1,400	26.68%	111.90	4,730	8.0%	2.13	135.55	107.00	107.00
CVHM2514	15/12/2025	10	832,600	-0.33%	72.00	6,930	5.5%	7.02	106.65	107.00	107.00
CVHM2523	16/10/2026	315	29,400	53.05%	140.00	2,970	4.9%	0.63	163.76	107.00	107.00
CMWG2517	25/05/2026	171	45,100	10.94%	76.40	2,030	4.1%	1.56	94.41	85.10	85.10
CVHM2512	20/05/2026	166	5,400	2.24%	58.00	12,850	4.0%	12.56	109.40	107.00	107.00
CVHM2522	25/06/2026	202	49,200	25.61%	117.69	2,090	4.0%	0.95	134.41	107.00	107.00
CVRE2523	25/03/2026	110	55,600	16.45%	35.00	1,090	3.8%	0.61	39.36	33.80	33.80
CVHM2511	13/04/2026	129	1,500	1.98%	58.00	12,780	3.7%	12.49	109.12	107.00	107.00
CVHM2524	18/01/2027	409	136,100	60.26%	147.00	3,060	3.4%	0.71	171.48	107.00	107.00
CHPG2532	23/07/2026	230	400	30.78%	31.20	1,370	3.0%	0.57	35.31	27.00	27.00
CVHM2503	9/04/2026	125	51,800	0.36%	42.00	9,340	2.8%	9.38	107.38	107.00	107.00

Nguồn: BSC

Chú thích:

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 05/12/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CTCB2515 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 61.90%. CVHM2514 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 5.80%.
- CVIC2516, CVIC2515, CVIC2513, CVHM2521, CVIC2511 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2508, CVIC2514, CVHM2510, CVHM2512 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	142.80	6.97%	9.74
VHM	107.00	1.71%	1.64
VJC	207.50	0.73%	0.65
HDB	32.95	0.00%	0.00
SSB	17.70	0.00%	0.00

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	96.20	-1.33%	-2.96
LPB	48.10	-2.83%	-2.74
MSN	78.20	-2.13%	-2.33
HPG	27.00	-1.10%	-2.02
TCB	34.70	-1.98%	-1.89

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	142.80	6.97%	9.32	3.88
VHM	107.00	1.71%	1.81	4.11
VPL	104.00	1.96%	0.88	1.79
GEE	226.60	3.66%	0.73	0.37
TAL	52.80	6.13%	0.28	0.36

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	74.40	3.48%	1.37	0.90
PVI	97.10	9.97%	1.33	0.23
PRE	22.40	6.16%	0.08	0.10
DNP	19.80	3.66%	0.06	0.14
NFC	65.00	6.56%	0.04	0.02

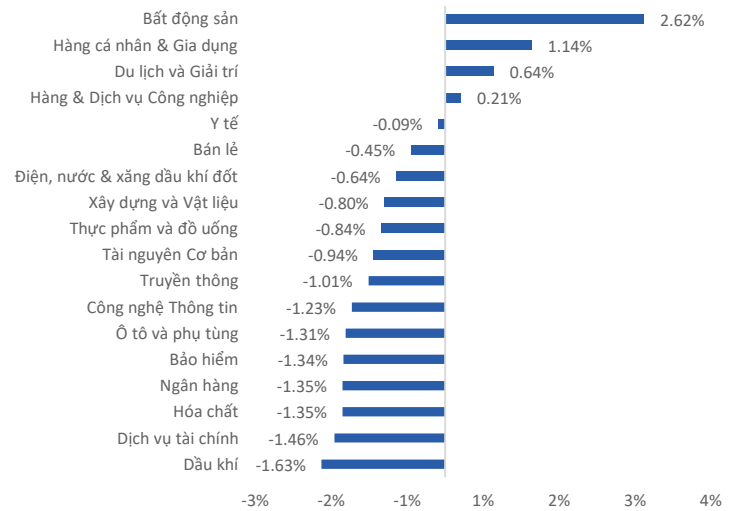
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	142.80	6.97%	9.25	7.04
HII	8.63	6.94%	0.01	1.56
SMC	13.95	6.90%	0.02	1.46
VPS	11.80	6.79%	0.00	0.17
HHP	12.80	6.67%	0.02	3.86

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVI	97.10	9.97%	8.74	0.19
KST	15.70	9.79%	0.04	0.01
VTC	27.10	9.72%	0.05	0.05
CTT	27.20	9.68%	0.05	0.00
THB	9.50	9.20%	0.04	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	58.30	-1.02%	-1.20	8.36
TCB	34.70	-1.98%	-1.17	7.09
MBB	25.15	-2.14%	-1.05	8.05
LPB	48.10	-2.83%	-0.98	2.99
VPB	29.85	-1.32%	-0.75	7.93

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	124.00	-3.28%	-0.48	0.20
DTK	11.80	-5.60%	-0.27	0.68
CEO	25.50	-3.04%	-0.26	0.57
NVB	13.90	-1.42%	-0.22	1.92
SHS	21.60	-1.82%	-0.21	0.90

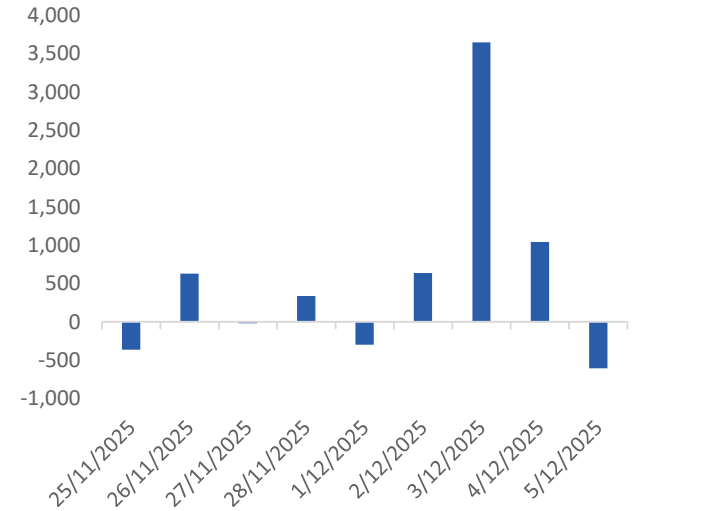
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TDP	30.00	-6.69%	-0.04	0.14
VDP	47.05	-5.90%	-0.01	0.10
SGR	19.55	-5.10%	-0.02	0.41
VSI	22.30	-4.09%	0.00	0.08
HVX	2.61	-3.69%	0.00	0.02

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SDU	21.80	-9.92%	-0.17	0.00
PTX	22.80	-9.88%	-0.06	0.00
VMS	29.20	-9.88%	-0.10	0.00
PGT	7.20	-8.86%	-0.02	0.00
VCM	9.30	-7.00%	-0.03	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	85.1	-0.8%	1.3	126,852	630.1	3,955	21.7	100,800	46.3%	Link
KBC	Bất động sản	34.8	-2.1%	1.5	33,479	170.9	1,872	19.0	46,000	10.4%	Link
KDH	Bất động sản	34.0	-1.5%	1.1	38,660	90.1	857	40.2	39,900	27.4%	Link
PDR	Bất động sản	22.2	-1.8%	1.7	22,144	111.7	211	107.1	28,200	8.7%	Link
VHM	Bất động sản	107.0	1.7%	1.3	432,100	549.2	6,133	17.2	119,600	8.9%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	96.2	-1.3%	0.8	166,092	584.5	5,280	18.5	118,700	38.9%	Link
BSR	Dầu khí	15.2	-1.6%	0.0	77,363	40.1	413		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	32.4	-2.1%	1.3	16,928	141.7	2,841	11.7	42,800	13.3%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	22.9	-0.7%	1.4	24,839	173.5	1,387	16.6		34.3%	
SSI	Dịch vụ tài chính	32.3	-1.7%	1.4	68,090	1554.8	1,882	17.4		32.6%	
VCI	Dịch vụ tài chính	34.5	-1.7%	1.3	25,327	244.5	1,589	22.1		14.8%	
DCM	Hóa chất	34.2	-0.2%	1.1	18,132	41.2	3,578	9.6	47,300	3.7%	Link
DGC	Hóa chất	95.0	-2.1%	1.0	36,839	141.3	8,296	11.7	109,300	10.6%	Link
ACB	Ngân hàng	24.4	-2.2%	0.8	127,903	221.2	3,385	7.4	28,400	29.0%	Link
BID	Ngân hàng	37.8	-1.1%	0.9	268,216	62.1	3,781	10.1	49,500	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	51.5	-1.0%	1.1	279,240	349.3	6,208	8.4	53,500	25.6%	Link
HDB	Ngân hàng	33.0	0.0%	1.3	127,168	301.3	3,652	9.0	34,400	23.8%	Link
MBB	Ngân hàng	25.2	-2.1%	1.1	207,013	766.3	3,017	8.5	29,300	20.8%	Link
MSB	Ngân hàng	13.2	1.5%	1.1	40,404	157.0	1,729	7.5	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	49.2	-2.0%	1.0	94,638	315.1	6,519	7.7		14.9%	
TCB	Ngân hàng	34.7	-2.0%	1.1	250,853	260.8	3,112	11.4	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.4	-1.1%	1.1	48,823	133.6	2,358	7.5	-	24.7%	Link
VCB	Ngân hàng	58.3	-1.0%	0.7	492,149	215.3	4,202	14.0	73,200	21.3%	Link
VIB	Ngân hàng	18.7	-1.3%	0.9	64,336	79.0	2,225	8.5	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	29.9	-1.3%	1.4	240,001	543.5	2,603	11.6	35,650	24.3%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.0	-1.1%	1.0	209,540	488.0	1,876	14.6	33,170	19.4%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.7	-1.2%	1.3	10,464	39.8	1,178	14.3	19,800	4.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	28.0	2.0%	0.9	10,545	212.1	4,150	6.6	28,800	2.0%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	78.2	-2.1%	1.2	115,529	527.7	2,196	36.4	98,300	23.1%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	63.4	0.0%	0.6	132,503	232.1	4,160	15.2	64,500	50.3%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	43.6	-1.02%	1.1	9,731	70.1	2,411	18.3	22.9%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	160.0	0.95%	1.0	26,993	182.1	3,620	43.8	32.2%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	52.0	-1.52%	0.9	39,195	20.2	3,578	14.8	26.9%	11.3%	
DIG	Bất động sản	20.6	-1.20%	1.3	16,566	164.5	509	40.9	4.0%	4.4%	
DXG	Bất động sản	18.7	-2.61%	1.5	19,512	236.6	401	47.8	20.1%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	26.9	-2.19%	1.3	5,483	35.4	3,057	9.0	2.9%	25.2%	
HDG	Bất động sản	31.2	-2.35%	1.5	11,802	50.8	938	34.0	21.0%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	38.6	-1.53%	1.2	14,876	51.0	4,849	8.1	11.2%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	35.6	-1.39%	1.1	17,516	31.0	2,149	16.8	45.2%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	55.2	-1.25%	1.2	13,534	49.0	5,474	10.2	3.1%	28.2%	
SZC	Bất động sản	31.0	-1.43%	1.2	5,652	7.7	1,763	17.8	2.5%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	20.4	-1.69%	1.5	18,926	73.3	801	25.9	12.5%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	142.8	6.97%	1.0	1,028,755	1001.8	2,287	116.8	3.8%	6.2%	Link
VRE	Bất động sản	33.8	-1.74%	1.5	78,168	253.4	2,144	16.0	13.6%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	36.7	-0.81%	0.9	7,835	12.8	1,833	20.2	38.2%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	34.4	-1.57%	0.7	44,407	38.5	2,090	16.7	14.8%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	26.1	-1.88%	1.0	14,759	123.7	1,602	16.6	8.4%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	32.5	-1.67%	1.2	11,434	21.0	1,262	26.1	24.8%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	28.8	-2.04%	1.6	19,366	87.4	1,674	17.6	5.0%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	64.0	-1.54%	0.6	156,842	47.5	5,014	13.0	1.8%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.1	0.00%	0.8	35,245	123.2	812	18.5	3.9%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	64.2	0.47%	0.7	34,612	19.0	4,776	13.4	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	207.5	0.73%	0.7	121,872	471.2	2,897	71.1	7.1%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	45.0	-2.60%	1.5	41,691	405.6	2,313	20.0	7.7%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	61.0	-1.77%	1.0	26,485	70.7	3,500	17.7	43.2%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	59.9	-2.60%	0.8	10,385	84.8	6,185	9.9	6.9%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.9	-0.53%	0.8	8,929	75.2	2,090	9.1	9.6%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	99.3	-1.49%	0.0	12,276	44.4	3,139	32.1	4.7%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	91.6	1.44%	0.8	30,806	42.3	6,917	13.1	49.0%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	27.8	-0.54%	0.9	3,131	28.7	2,535	11.0	48.5%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.0	-2.06%	1.3	2,497	10.2	2,869	6.8	17.1%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	23.2	-1.49%	1.0	16,012	49.1	1,212	19.4	3.7%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	27.4	-1.62%	1.6	111,400	98.3	1,569	17.8	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	22.8	1.11%	1.1	41,911	313.4	1,635	13.8	3.1%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	48.1	-2.83%	0.8	147,870	52.8	3,469	14.3	1.0%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.5	-1.03%	0.0	25,049	17.5	2,337	6.3	1.6%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.4	-1.20%	0.9	33,421	23.8	1,460	8.6	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	16.1	-1.23%	1.3	7,295	63.3	571	28.6	5.0%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	28.4	-1.73%	1.2	7,681	57.7	2,829	10.2	3.8%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.5	2.07%	0.8	10,261	94.9	1,715	19.7	2.9%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.8	-2.16%	0.6	65,282	130.0	3,373	15.1	58.5%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	56.8	-1.39%	0.9	12,929	43.4	6,944	8.3	19.6%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	160.1	-2.67%	0.3	13,466	17.8	14,639	11.2	85.0%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	84.5	0.48%	1.0	8,530	27.4	6,560	12.8	49.0%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	86.5	-1.70%	0.9	10,066	25.7	5,128	17.2	5.0%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	43.1	-1.60%	1.1	4,415	26.1	3,037	14.4	5.4%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.5	-0.34%	1.4	7,213	94.0	1,106	13.1	9.7%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	23.1	-0.43%	1.0	9,542	201.0	1,377	16.8	12.4%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	24.6	0.82%	1.0	15,774	125.2	6,148	4.0	4.8%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	44.1	-0.45%	1.2	19,862	25.8	3,090	14.3	2.7%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	X		Click
2	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
3	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
4	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
6	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
9	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
14	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
15	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
16	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
27	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>